

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 14/2003/QĐ-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa
chính,
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi
trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về
hoạt động đo đạc bản đồ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,
Vụ trưởng Vụ Đăng ký và Thống kê đất đai,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký đất
đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 379/1998/QĐ-TCĐC ngày 17 tháng 6 năm
1998 của Tổng cục Địa chính (trước đây) ban hành Định mức đăng ký đất đai, lập hồ
sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường
và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN

VÀ MÔI TRƯỜNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đặng Hùng Võ

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2003/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Phần một

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất biên soạn cho 2 khối công việc sau:

1.1. Đo đạc chỉnh lý bản đồ phục vụ đăng ký đất đai;

1.2. Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đăng ký đất đai ban đầu, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Đổi giấy chứng nhận, lập lại hồ sơ địa chính: Trong trường hợp được đo đạc lại bản đồ địa chính sau khi cấp xã đã tổ chức đăng ký đất đai ban đầu, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Đăng ký biến động đất đai: Trường hợp biến động do thiên tai gây ra trên diện rộng, hoặc địa bàn cấp xã nhiều năm không thường xuyên chỉnh lý biến động dẫn đến hiện trạng sử dụng đất sai khác nhiều với hồ sơ địa chính.

2. Căn cứ xây dựng định mức:

- + Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) về hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- + Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;
- + Thông tư số 14/LĐTBXH-TT ngày 10 tháng 4 năm 1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp xây dựng định mức lao động đối với các doanh nghiệp nhà nước;
- + Quy phạm thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 - 1/25000 ban hành theo Quyết định số 720/1999/QĐ-TCĐC ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính;
- + Quyết định số 290/QĐ-ĐC ngày 19 tháng 5 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức, viên chức ngành Địa chính;
- + Định mức công tác đo đạc bản đồ ban hành theo Quyết định số 406/QĐ-TCĐC ngày 24 tháng 9 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần sau:

3.1. Định mức lao động công nghệ:

Định mức lao động công nghệ là thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (thực hiện một bước công việc).

Nội dung của định mức lao động công nghệ bao gồm:

3.1.1. Nội dung công việc

Các thao tác cơ bản, thao tác chính để sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc).

3.1.2. Phân loại khó khăn

Các yếu tố cơ bản gây ảnh hưởng đến việc sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc).

3.1.3. Định biên

Xác định cụ thể số lượng và cấp bậc lao động (biên chế lao động) để sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc):

+ Cấp bậc lao động (cấp bậc công nhân) của lao động tham gia công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ được xác định, căn cứ theo “Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức - viên chức ngành Địa chính” (Quyết định số 290/QĐ-ĐC ngày 19 tháng 5 năm 1997);

+ Cấp bậc lao động (cấp bậc công nhân) của lao động tham gia công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định theo kinh nghiệm thực tế.

3.1.4. Định mức

+ Quy định thời gian lao động để sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc). Đơn vị tính là công, công nhóm trên đơn vị sản phẩm. Ngày công tính bằng 8 giờ làm việc;

+ Các mức ngoại nghiệp của đo đạc chỉnh lý bản đồ được thể hiện dưới dạng phân số: Tử số là mức lao động kỹ thuật, mẫu số là lao động phổ thông (lao động thực hiện các công việc đơn giản trong quy trình công nghệ: Vận chuyển các thiết bị, vật liệu, thông hướng ngắm, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo ngắm, đào bới mốc, đãi rửa vật liệu... và tính theo công cá nhân);

Mức lao động kỹ thuật ngoại nghiệp cho đo đạc chỉnh lý bản đồ phải ngừng nghỉ việc do thời tiết được tính thêm hệ số 0.30;

+ Lao động hợp đồng trong các mức đăng ký đất đai là lao động tuyển dụng tại xã, thôn, những người am hiểu nguồn gốc đất đai của địa bàn dân cư được tập huấn nghiệp vụ về đăng ký đất.

3.2. Định mức vật tư và thiết bị:

Định mức vật tư và thiết bị là tên gọi ngắn gọn của định mức sử dụng vật liệu và định mức sử dụng thiết bị (máy móc), dụng cụ lao động (công cụ, dụng cụ). Định mức vật tư và thiết bị bao gồm:

3.2.1. Định mức sử dụng vật liệu: là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc);

3.2.2. Định mức sử dụng thiết bị, dụng cụ: là thời gian sử dụng thiết bị, dụng cụ cần thiết để sản xuất ra sản phẩm (thực hiện bước công việc);

3.2.3. Số liệu về “Thời hạn” là căn cứ để tính đơn giá hao mòn dụng cụ và đơn giá khấu hao thiết bị (máy móc).

+ Thời hạn của dụng cụ lao động: Đơn vị tính là tháng, một tháng tính 26 ca;

+ Thời hạn của thiết bị (máy móc): Trong định mức này không quy định, sẽ tính theo quy định tại các thông tư hướng dẫn lập dự toán của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;

3.2.4. Đơn vị tính của các mức sử dụng dụng cụ, thiết bị là ca (ca sử dụng/đơn vị sản phẩm);

3.2.5. Điện năng tiêu thụ cho các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính theo công thức: Điện năng = Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị (ca sử dụng quy về giờ) x Công suất (kw/giờ);

Ngoài mức điện năng tính theo công thức trên, khi tính mức cụ thể đã tính thêm 5% hao phí đường dây.

3.2.6. Mức sử dụng các dụng cụ nhỏ, phụ được tính bằng 10% mức sử dụng các dụng cụ chính đã được tính định mức;

3.2.7. Mức vật liệu phụ, vụn vát và hao hụt được tính bằng 8% mức vật liệu chính đã được tính định mức.

4. Đối với trường hợp đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ do yêu cầu của người sử dụng đất: áp dụng định mức lao động theo nguyên tắc thực hiện bước công việc nào thì tính mức cho bước công việc đó và được tính thêm mức điều chỉnh. Tổng mức sau khi điều chỉnh không được vượt quá 2 lần mức quy định.

5. Quy định viết tắt

Nội dung viết tắt	Viết tắt
Định mức kinh tế - kỹ thuật	ĐM KT-KT
Định mức lao động	ĐMLĐ